TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HỒNG BÀNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03/2019/QĐST-HNGĐ	*Hồng Bàng, ngày 05 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v chấm dứt việc nuôi con nuôi

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Minh Phương

Thư ký phiên họp: Bà Trần Thị Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 192/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2019 về việc yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 09/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Bà NTG; nơi cư trú: Số 4 đường A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông NVC và bà TTTA; đều trú tại: Số 27D/68 đường D, phường E, quận D, thành phố Hải Phòng; đều vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu, bản tự khai và trong quá trình giải quyết việc dân sự, người yêu cầu bà NTG trình bày:

Năm 2014 bà NTG có đơn xin nhận cháu F làm con nuôi, được bố mẹ đẻ cháu là ông NVC và bà TTTA đồng ý, bà NTG, ông NVC và bà TTTA có làm thủ tục về việc nhận nuôi con nuôi tại Ủy ban nhân dân phường E, quận D, thành phố Hải Phòng. Ngày 06/8/2014 Ủy ban nhân dân phường E, quận D, thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận việc nuôi con nuôi đối với cháu F cho bà NTG nhận nuôi. Nhưng hiện nay do tuổi cao, sức khỏe yếu không còn khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng cháu F được nữa. Bà NTG cùng với ông NVC và bà TTTA là bố mẹ đẻ của cháu F

thống nhất thỏa thuận chấm dứt việc nuôi con nuôi đối với cháu F để cháu F tiếp tục được bố mẹ đẻ của cháu chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy, bà NTG đề nghị Tòa án chấm dứt việc nuôi con nuôi đối với cháu F.

Tại bản tự khai của ông NVC và bà TTTA ngày 25/6/2019 ông bà khai như sau:

Năm 2014 ông, bà đồng ý cho chị ruột của ông NVC là bà NTG xin nhận cháu F làm con nuôi, ông NVC, bà TTTA cùng bà NTG có làm thủ tục về việc nhận nuôi con nuôi tại Ủy ban nhân dân phường E, quận D, thành phố Hải Phòng. Ngày 06/8/2014 Ủy ban nhân dân phường E, quận D, thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận việc nuôi con nuôi đối với cháu F cho bà NTG nhận nuôi. Nhưng hiện nay do tuổi cao, sức khỏe yếu không có khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng cháu F được nữa. Ông NVC, bà TTTA cùng bà NTG thống nhất thỏa thuận chấm dứt việc nuôi con nuôi đối với cháu F để cháu F tiếp tục được bố mẹ đẻ của cháu tiện chăm sóc, nuôi dưỡng tốt hơn. Nay bà NTG đề nghị Tòa án chấm dứt việc nuôi con nuôi đối với cháu F, ông NVC và bà TTTA nhất trí.

Tại phiên họp người yêu cầu bà NTG giữ nguyên quan điểm như nội dung đơn yêu cầu, bản tự khai và đề nghị Tòa án chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa bà đối với cháu F.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án: Trong quá trình giải quyết việc dân sự và tại phiên họp, Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Năm 2014 vợ chồng ông NVC và bà TTTA đồng ý cho chị ruột của ông NVC là bà NTG xin nhận cháu F là con đẻ của ông NVC, bà TTTA làm con nuôi, ông NVC, bà TTTA cùng bà NTG có làm thủ tục về việc nhận nuôi con nuôi tại Ủy ban nhân dân phường E, quận D, thành phố Hải Phòng. Ngày 06/8/2014 Ủy ban nhân dân phường E, quận D, thành phố Hải Phòng đã cấp giấy chứng nhận việc nuôi con nuôi đối với cháu F cho bà NTG nhận nuôi. Hiện nay do tuổi cao, sức khỏe yếu không có khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng cháu F được nữa. Bà NTG, ông NVC và bà TTTA đều thống nhất thỏa thuận chấm dứt việc nuôi con nuôi đối với cháu F để cháu F tiếp tục được bố mẹ đẻ của cháu tiện chăm sóc, nuôi dưỡng. Đề nghị căn cứ khoản 5 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm l khoản 2 Điều 39, khoản 2 Điều 146, các điều 367, 370, 371 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 78 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 25, 26, 27 Luật nuôi con nuôi năm 2010; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận đơn yêu cầu của bà NTG về yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi đối với cháu F. Do bà NTG là người cao tuổi nên bà NTG được miễn nộp lệ phí giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện Kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông NVC, bà Trần Thị Tú Anh đều vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết việc dân sự vắng mặt họ. Căn cứ khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết việc dân sự: Bà NTG, cư trú tại: Số 4 A, B, C, Hải Phòng có đơn yêu cầu Tòa án chấm dứt việc nuôi con nuôi đối với cháu F. Đây là quan hệ pháp luật về yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi nên theo quy định tại khoản 5 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm l khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

[3] Về nội dung giải quyết: Năm 2014 vợ chồng ông NVC và bà TTTA đồng ý cho chị ruột của ông NVC là bà NTG xin nhận cháu F là con đẻ của ông NVC, bà TTTA làm con nuôi, ông NVC, bà TTTA cùng bà NTG có làm thủ tục về việc nhận nuôi con nuôi tại Ủy ban nhân dân phường E, quận D, thành phố Hải Phòng. Ngày 06/8/2014 Ủy ban nhân dân phường E, quận D, thành phố Hải Phòng đã cấp giấy chứng nhận việc nuôi con nuôi cho mẹ nuôi là bà NTG đối với con nuôi là cháu F, sinh ngày 25/02/2008. Nay do tuổi cao, sức khỏe yếu không có khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng cháu F được nữa; bà NTG, ông NVC và bà TTTA đều tự nguyện, thống nhất thỏa thuận chấm dứt việc nuôi con nuôi đối với cháu F để cháu F trở về sống cùng với bố mẹ đẻ của cháu tiện chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Xét yêu cầu của người có đơn yêu cầu và các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội, nên cần chấp nhận đơn yêu cầu của bà NTG về việc chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa bà NTG đối với con nuôi là cháu F.

[4] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà NTG, sinh năm 1955 thuộc trường hợp người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi nên căn cứ khoản 2 Điều 146 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà NTG được miễn nộp lệ phí dân sự sơ thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm l khoản 2 Điều 39, khoản 2 Điều 146, Điều 367, Điều 370, Điều 371 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 78 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 25, 26, 27 Luật nuôi con nuôi năm 2010.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi của bà NTG.

- Tuyên bố chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa mẹ nuôi là bà NTG, sinh năm 1955; nơi cư trú: Số 4 đường A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng đối với con nuôi là cháu F, sinh ngày 25 tháng 02 năm 2008; nơi cư trú: Số 27D/68 đường D, phường E, quận D, thành phố Hải Phòng.

- Quyền, nghĩa vụ giữa mẹ nuôi là bà NTG và con nuôi là cháu F chấm dứt kể từ ngày quyết định chấm dứt việc nuôi con nuôi của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Giao cho ông NVC và bà TTTA là bố, mẹ đẻ của cháu F tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu F.

- Quyền, nghĩa vụ giữa bố đẻ là ông NVC, mẹ đẻ là bà TTTA và con đẻ là cháu F được khôi phục kể từ thời điểm quan hệ nuôi con nuôi chấm dứt.

- Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà NTG không phải chịu lệ phí dân sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Người yêu cầu bà NTG có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông NVC và bà TTTA có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết.

Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

- Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND quận Hồng Bàng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- TAND TP Hải Phòng;
- Chi cục Thi hành án dân sự Hồng Bàng;
- UBND P. E, Q. D;
- Người yêu cầu;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự; HCTP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Minh Phương